Bài 1: điền từ thích hợp vào chỗ trống

1 

p__ __a__ __ __ __

2 

s t o n e

3 

o__ __ __ __ __

4 

__ __t

5 

__ __o__

6 

c__ __ __ __t__

7 

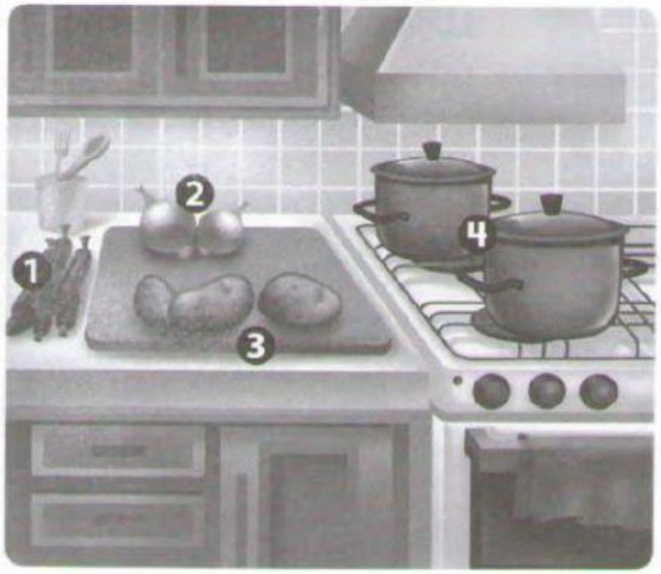
__ __u__

8 

__ __ __s__ __e__

Bài 2: Nhìn và hoàn thiện các câu trả lời, lưu ý đến số nhiều của danh từ

Look and complete the answers.



1 What are these?
They're sausages.

2 What are these?
They're _____.

3 What are these?
They're _____.

4 What are these?
They're _____.

Bài 3: Chọn đáp án đúng

10. Nhiều lựa chọn



Q. Garfield _____ a lot of food.

answer choices

- drinks
- eats
- doesn't eat
- doesn't drink

LIVEWORKSHEETS

☑ 20. Nhiều lựa chọn

Q. Jane _____ everytime she _____ "Titanic".

answer choices

- cries - watches
- cries - cooks
- jumps - watches
- watches - cries

☑ 19. Nhiều lựa chọn

Q. He _____ his car everyday from his office to our home.

answer choices

- drives
- listens
- works
- talks

☑ 16. Nhiều lựa chọn



Q. He _____ the homework at nine five.

answer choices

- does
- do
- have
- check

☑ 15. Nhiều lựa chọn

Q. Kitty _____ bad food.

answer choices

- eat
- don't eat
- like to eat
- doesn't eat

☑ 14. Nhiều lựa chọn

Q. My brothers _____ video games all afternoon.

answer choices

- play
- plays
- have
- has

LIVEWORKSHEETS